

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**;

2. Bà **Diệp Thị Thu Nguyệt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **400/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 205/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Tiểu M**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp Tây Bình, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
Số điện thoại: 0365265335

2. Bị đơn: Anh **Danh Tuấn D**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp Bình Thành, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0969898060

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Phan Tiểu M** trình bày: Chị M với anh **Danh**

Tuấn D chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 23/02/2022. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Danh Ngọc Trúc, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Tuấn Anh, sinh ngày 02/02/2021. Nhưng đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D không lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên cờ bạc, nhậu rượu. Chị M đã cho anh D cơ hội rất nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi thể hiện bằng việc vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị Phan Tiểu M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Tuấn D. Về quan hệ con chung: Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Danh Ngọc Trúc, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Tuấn Anh, sinh ngày 02/02/2021, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Nguyện vọng của con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2022 cháu Danh Ngọc Trúc có nguyện vọng được sống với mẹ.

Đối với bị đơn anh Danh Tuấn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Danh Tuấn D nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh D đã vắng mặt không lý do nên không có lời khai của anh D.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị M, anh D tại UBND xã Vĩnh Trạch thể hiện: Chị M và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch. Đối với chuyện mâu thuẫn vợ chồng của chị M, anh D thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao 02 con chung tên Danh Ngọc Trúc, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Tuấn Anh, sinh ngày 02/02/2021 cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị M yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Bị đơn anh Danh Tuấn D cư trú tại ấp Bình Thành, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Tiểu M chung sống với anh Danh Tuấn D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Do vậy, căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên cờ bạc và uống rượu, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù chị M đã cho anh D nhiều cơ hội sửa đổi nhưng vẫn không đạt kết quả, vợ chồng đã ly thân. Lời khai của chị M phù hợp với lời khai của con chung cũng như kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú của vợ chồng. Bên cạnh đó, anh D vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh D.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ chị M cung cấp thì chị Phan Tiểu M và anh Danh Tuấn D có 02 con chung tên Danh Ngọc Trúc, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Tuấn Anh, sinh ngày 02/02/2021 hiện hai cháu đang sống với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án cháu Trúc có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Danh Tuấn Anh chưa đủ 36 tháng tuổi, bản thân chị M có kinh tế ổn định và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh D không có ý kiến gì đối với yêu cầu được tiếp tục được nuôi 02 con chung của chị M. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao 02 con chung tên Danh Ngọc Trúc, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Tuấn Anh, sinh ngày 02/02/2021 cho chị Phan Tiểu M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của 02 cháu; Chị M phải tạo điều kiện cho anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc 02 con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết anh D có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung:

[2.4.1] Về tài sản chung: Chị M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4.2] Về nợ chung: Chị M trình bày không có nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Tiểu M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Tiểu M được ly hôn với anh Danh Tuấn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 23/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phan Tiểu M được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Danh Ngọc Trúc, sinh ngày 13/10/2015 và Danh Tuấn Anh, sinh ngày 02/02/2021; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Danh Tuấn D do chị Phan Tiểu M không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Phan Tiểu M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Phan Tiểu M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Phan Tiểu M và anh Danh Tuấn D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Tiểu M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009359 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị Phan Tiểu M đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Danh Tuấn D không phải chịu án phí.

Nguyên đơn chị Phan Tiểu M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Danh Tuấn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi anh Danh Tuấn D cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Trạch, h. Thoại Sơn;
- UBND xã Bình Thành, h. Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên